

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-PT

Ngày: 07-01-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Ông Vũ Thế Mạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trương Vũ Tường Ninh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Trịnh Văn Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 294/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Bùi Anh D**, sinh năm 1978. (Có mặt).

Địa chỉ: số B, ấp B, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

* **Bị đơn:** Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1954. (Có mặt).

Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1959. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ G, ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Trần Văn N**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông **Bùi Anh D** trình bày:

Ông D có bán tôm giống và thức ăn tôm, thuốc xử lý ao cho ông **Trần Văn N** bà **Nguyễn Thị X** từ ngày 24/01/2021 đến ngày 01/8/2021, hình thức mua bán gói đầu, khi mua thức ăn và tôm giống thì thỏa thuận cho ông N bà X nợ tiền đến cuối mỗi vụ tôm, sau khi thu hoạch tôm xong sẽ trả tiền, do ông N không thực hiện trả đủ số tiền đến tháng 4/2021 âm lịch do dịch bệnh đi lại khó khăn nên ông D không tiếp tục giao thức ăn tôm cho ông N, nên có yêu cầu ông N trả số tiền còn nợ nhưng ông N bà X không trả, sau đó ông D có chốt số tiền nợ với ông N bà X, có lập văn bản có chữ ký xác nhận nợ của ông N ngày 10/01/2023

âm lịch, và tại cuộc hòa giải áp Thắng Lợi ông N cũng thừa nhận có nợ ông D số tiền mua thức ăn là 46.110.000đ, nhưng lại không trả.

Tại phiên tòa ông D đồng ý trừ tiền đầu bao mỗi bao trừ 50.000đ x 62 bao là 3.100.000đ cho ông N bà X. Ông xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 3.100.000đ. Số tiền còn lại là 43.010.000đ yêu cầu ông Trần Văn N bà Nguyễn Thị X phải trả, yêu cầu tính lãi suất theo quy định từ ngày 01/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, không đồng ý trừ tiền tặng chiếc xuống nhựa trị giá 3.000.000đ.

** Bị đơn:* Ông Trần Văn N trình bày:

Ông N có mua thức ăn và tôm giống tôm thẻ, tôm càng của ông Bùi Anh D từ năm 2018 đến năm 2021, khi mua thức ăn và tôm giống thì thỏa thuận bằng hình thức gói đầu, bên ông D bán thức ăn và cho ông N nợ tiền đến cuối mỗi vụ tôm, khi bán tôm xong ông N sẽ trả tiền, việc thỏa thuận mua bán và trả tiền không có lập văn bản, tuy nhiên đến tháng 04/2021 do dịch bệnh đi lại khó khăn thì ông D lại nói là phải trả tiền khi mua thì ông D mới tiếp tục bán, do ông N không có tiền mua nên ông D không tiếp tục bán thiếu cho ông N, sau khi tính toán thì ông N còn nợ tiền mua thức ăn và tôm giống của ông Bùi Anh D trong năm 2021 tổng cộng là 46.110.000đ.

Tại phiên tòa ông N thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của ông D số tiền là 46.110.000đ, tuy nhiên khi mua bán thì ông D có thỏa thuận nếu mua từ một tấn thức ăn trở lên thì ông D sẽ tặng một chiếc xuống nhựa trị giá 3.000.000đ, và trừ đầu bao, mỗi bao thức ăn sẽ trừ cho ông N 50.000đ (62 bao) là trừ 3.100.000đ, tại phiên Tòa ông N đồng ý việc ông D trừ tiền đầu bao là 3.100.000đ, không yêu cầu trừ tiền tặng chiếc xuống nhựa là 3.000.000đ, số tiền còn lại là 43.010.000đ ông N đồng ý trả cho ông D theo hình thức trả dần, 07 tháng trả 01 lần, mỗi lần trả 5.000.000đ, không đồng ý trả số tiền lãi.

** Đồng bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X thống nhất theo ý kiến của ông N, đồng ý có nợ tiền mua thức ăn tôm của ông D số tiền là 43.010.000đ, xin trả dần 07 tháng trả một lần, mỗi lần trả 5.000.000đ, không đồng ý trả lãi.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Anh D về việc yêu cầu ông Trần Văn N bà Nguyễn Thị X trả số tiền.

2. Buộc ông Trần Văn N bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Anh D số tiền là 55.861.000đ (Năm mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng). (Trong đó tiền gốc 43.010.000đ, tiền lãi 12.851.000đ).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 04/8/2024, bị đơn ông Trần Văn N có đơn kháng cáo: Yêu cầu ông Trần Văn N đồng ý trả tiền mua thức ăn là 43.010.000 đồng (Bốn mươi ba triệu không trăm mười nghìn đồng); không đồng ý tính lãi suất 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Văn N thay đổi kháng cáo xác nhận có thiếu ông D số tiền là 43.010.000 đồng (Bốn mươi ba triệu không trăm mười nghìn đồng). Nhưng do

ông D đột ngột không bán thức ăn tôm cho vợ chồng ông N nữa nên ông N bị thất thu vụ tôm đó do tôm không có thức ăn bị chết, nên vợ chồng ông N không đồng ý trả gốc và lãi cho D nữa.

Nguyên đơn không có kháng cáo đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn N, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 31/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Theo hướng tính lại tiền lãi của bị đơn, miễn toàn bộ án phí cho ông N và bà X theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Trần Văn N về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bùi Anh D, ông Trần Văn N có mặt, bà Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của ông Trần Văn N yêu cầu ông Trần Văn N đồng ý trả tiền mua thức ăn là 43.010.000 đồng (Bốn mươi ba triệu không trăm mười nghìn đồng); không đồng ý tính lãi suất 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu khởi kiện của ông D buộc ông N bà X trả số tiền là 43.010.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa và các ý kiến trình bày của ông N tại phiên hòa giải, và theo biên bản hòa giải cơ sở ngày 25/4/2024 của ấp T, xã V, huyện G ông N bà X thừa nhận có mua thức ăn tôm của ông D còn nợ lại số tiền là 46.110.000đ và thống nhất việc ông D trừ số tiền 3.100.000đ, số tiền còn nợ là 43.010.000đ và đồng ý trả cho ông D. Do đó việc ông N bà X còn nợ ông D số tiền là 43.010.000đ. Việc ông N xác nhận số tiền nợ theo yêu cầu của ông D là tiền gốc 43.010.000 đồng (Bốn mươi ba triệu

không trăm mười nghìn đồng) được nguyên đơn đồng ý đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thật. Theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền khi nhận tài sản, sau khi ông N bà X nhận hàng xong ông D đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông N bà X không trả, nên căn cứ theo quy định ông D khởi kiện yêu cầu ông N bà X phải có nghĩa vụ trả cho ông D số tiền là 43.010.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Cấp sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại điều 357 thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi, nay ông D yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/8/2021 đến ngày xét xử là ngày 31/7/2024 là chưa phù hợp. Bởi lẽ do các bên không có thỏa thuận về lãi suất đối với số tiền còn nợ, nhưng đến ngày 25/4/2024 ban lãnh đạo ấp T, xã V tiến hành hòa giải, do đó cấp phúc thẩm tính lại thời gian tính lãi từ ngày 25/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/7/2024 là phù hợp với quy định của pháp luật, Do đó cần phải điều chỉnh lại lãi suất và buộc ông N và bà X phải trả cho ông D; nên chấp nhận, theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo quy định này mức lãi suất sẽ là 10%/1năm tức là 0.83%/1 tháng. Từ ngày 25/4/2024 đến ngày xét xử là ngày 31/7/2024 là 06 tháng 06 ngày. Số tiền lãi là: 43.010.000đ x 0.83%/tháng = 356.983 đồng/tháng. Lãi 1 ngày là 356.983 đồng : 30 ngày = 11.899,4 đồng. Tổng tiền lãi 6 tháng 6 ngày làm tròn số là: 2.213.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là:

Buộc ông N bà X trả cho ông D số tiền là 45.223.000 đồng, trong đó tiền gốc là 43.010.000đ, tiền lãi là 2.213.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do ông D xin rút lại đối với số tiền 3.100.000đ là phù hợp.

Việc sửa bản án về lãi suất do đánh giá chứng cứ nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Trần Văn N, sửa bản án sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về án phí dân sự :

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.261.000đ (Hai triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng); ông Trần Văn N bà Nguyễn Thị X được miễn nộp án phí theo quy định.

Hoàn trả cho ông Bùi Anh D số tiền tạm ứng án phí là 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005964 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Trần Văn N là người cao tuổi và được miễn án phí; nên ông Trần Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 3; Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 430; Điều 440; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 26 điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Trần Văn N.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 36/2024/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Anh D về việc yêu cầu ông Trần Văn N bà Nguyễn Thị X trả số tiền.

2. Buộc ông Trần Văn N bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Anh D số tiền là 45.223.000đ (*Bốn mươi lăm triệu hai trăm hai mươi ba nghìn đồng*). (Trong đó tiền gốc 43.010.000đ, tiền lãi 2.213.000đ)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Anh D đối với số tiền 3.100.000đ do đã rút.

4. Về án phí dân sự:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn N bà Nguyễn Thị X được miễn nộp án phí theo quy định.
- Hoàn trả cho ông Bùi Anh D số tiền tạm ứng án phí là 1.150.000đ (*Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005964 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Văn N là người cao tuổi và được miễn án phí; nên ông Trần Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND H.Gò Quao
- THA dân sự H.Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha